TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/DS-PT
Ngày 31-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Huy Cường

Các Thẩm phán: Ông Lê Sỹ Trứ

Bà Lưu Thị Mỹ Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huyền Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 và 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 509/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thùy T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1988; địa chỉ: đường B, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 20/10/2022), có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Ngọc T1, sinh năm 1963; có mặt.

2. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1958; có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông C: Bà Lê Ngọc T1, sinh năm 1963; Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 15/12/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Duy L – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Duy L và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Minh T2, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt;

2. Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Bồ Thị Đ1, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp Đ, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thùy T.

- Viện Kiểm sát kháng nghị: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày: Ngày 21/4/2020, bà Lê Thùy T cho dì, dượng là ông Phạm Văn C và bà Lê Ngọc T1 vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, không tính lãi. Việc cho vay được lập thành giấy vay tiền. Đến ngày 21/6/2020, ông C và bà T1 trả được cho bà T 300.000.000 đồng, còn lại 700.000.000 đồng, đến nay chưa trả. Do đó, bà T khởi kiện, yêu cầu Toà án buộc ông C và bà T1 trả cho bà T 700.000.000 đồng nợ gốc theo Giấy vay tiền ngày 21/4/2020 và tiền lãi do chậm thanh toán tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn ông Phạm Văn C và bà Lê Ngọc T1 trình bày tại Bản tự khai ngày 08/4/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà T1 là cô ruột của bà T. Ngày 21/4/2020, bà T1 và ông C vay của bà T 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 02 tháng. Tiền lãi 50.000.000 đồng/tháng. Đến thời điểm trả nợ ngày 21/6/2020, ông T2 là ba của bà T nợ vợ chồng bà T1 700.000.000 đồng nên bà T1, bà T và ông T2 đồng ý để ông T2 trả nợ cho bà T cấn trừ khoản nợ của ông T2 đối với vợ chồng bà T1 thì bà T đồng ý. Còn lại 300.000.000 đồng và tiền lãi 50.000.000 đồng bà T yêu cầu lập giấy vay tiền mới đề ngày 21/6/2020, số tiền vay 350.000.000 đồng. Đồng thời, bà T đưa bản chính Giấy vay tiền ngày 21/4/2020 để bà T1 ghi dòng chữ: "*Ngày 21/6/2020, ông Lê Minh T2 đồng ý trả số nợ dùm ông C, bà T1 700.000.000 đồng*". Thực chất, Giấy vay tiền ngày 21/4/2020 và 21/6/2020 là cùng một khoản vay.

Ngày 29/9/2020, ông C và bà T1 vay tiếp 350.000.000 đồng. Ông C và bà T1 đã thanh toán tiền cho bà T nhiều lần, không nhớ rõ số lần trả và số tiền trả từng lần.

Đến ngày 07/7/2021, ông C và bà T1 thanh toán xong các khoản nợ vay cho bà T. Bà T đưa bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 29/9/2020 cho bà T1 và ghi vào mặt cuối của Hợp đồng câu: *"Hôm nay ngày 07/7/2021, bà Lê Ngọc T1 đã trả cho tôi số tiền là 376.000.000 đồng. Kể từ ngày hôm nay Tôi và bà T1 không còn nợ nần gì nhau nữa*". Bà T viết chữ Lê Thùy T đồng thời ký tên, lăn tay. Bản chính Giấy vay tiền ngày 21/4/2020 bà T nói bà đã xé nên vợ chồng bà yêu cầu bà T xác nhận vào bản chính của Hợp đồng vay cuối cùng có công chứng ngày 29/9/2020 để tránh trường hợp bà T tiếp tục đòi tiền. Ông C và bà T1 đã thanh toán toàn bộ nợ vay cho bà T nên không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày bổ sung: Hợp đồng vay tiền không có tài sản đảm bảo ngày 29/9/2020 giữa bà Lê Thùy T, ông Lê Minh Đ với ông Phạm Văn C, bà Lê Ngọc T1 có chứng thực của Văn phòng công chứng Võ Văn N (gọi tắt là Hợp đồng ngày 29/9/2020) do bà T1 cung cấp, phía sau có chữ viết tay: "*Hôm nay ngày 07/7/2021 bà Lê Ngọc T1 đã trả cho tôi số tiền là 376.000.0000đ. Kể từ ngày hôm nay tôi và bà T1 không còn nợ nần gì nhau nữa*". Chữ viết và chữ ký tên là của bà T. Bà T viết chỉ để xác nhận khoản nợ 350.000.000 đồng trong Hợp đồng ngày 29/9/2020 ông C và bà T1 đã thanh toán xong. Khoản nợ vay ngày 21/4/2020 ông C, bà T1 đã trả 300.000.000 đồng, còn nợ 700.000.000 đồng. Số tiền 376.000.000 đồng ông C, bà T1 trả gồm 350.000.000 đồng tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng ngày 29/9/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T trình bày tại Bản tự khai ngày 28/4/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông T2 là cha chồng của bà T, là em ruột của bà T1. Ông T2 không biết, không liên quan và cũng không sử dụng tiền vay giữa bà T với ông C và bà T1. Ông T2 cũng không trả cho bà T thay cho ông C, bà T1 bất cứ khoản tiền nào. Ông T2 không có ý kiến về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T. Trước năm 2020, vợ chồng ông T2 có cho ông C và bà T1 mượn tiền nhiều lần, cho mượn tiền không có lãi, việc cho mượn tiền và trả tiền đều không làm giấy tờ. Người trực tiếp đưa tiền cho ông C, bà T1 mượn là vợ ông T2, bà Bồ Thị Đào. Ông T2 và bà Đào không mượn tiền của ông C và bà T1.

Người làm chứng bà Bồ Thị Đ trình bày: Bà Đào là vợ của ông T2. Trước đây, vợ chồng bà có cho ông C và bà T1 mượn tiền nhiều lần, việc cho mượn tiền và trả tiền đều không làm giấy tờ. Bà và ông T2 không mượn tiền của ông C và bà T1. Bà cũng không biết về việc bà T cho ông C và bà T1 vay tiền, ông, bà cũng không trả tiền cho bà T.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thùy T đối với bị đơn ông Phạm Văn C và bà Lê Ngọc T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Giấy vay tiền ngày 21/4/2020.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thùy T kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm với lý do bản án đã làm thiệt hại đến quyền lợi của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Văn Sinh trình bày: Ngày 21/4/2020, nguyên đơn cho vợ chồng bị đơn ông Phạm Văn C, bà Lê Ngọc T1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng với thời hạn vay là 02 tháng, không lãi suất. Ngày 21/6/2020 khi đến hạn trả nợ, ông C và bà T1 trả 300.000.000 đồng, còn lại 700.000.000 đồng thì bà T1 nói để ông Lê Minh T2 trả thay. Nguyên đơn nghĩ rằng ông T2 đã biết việc này nên đồng ý để bà T1 ghi vào mặt sau Giấy vay tiền ngày 21/4/2020 nội dung *"Ngày 21/6/2020 ông Lê Minh T2 đồng ý trả số nợ dùm ông C bà T1 bảy trăm triệu đồng 700.000.000 đồng"*. Tuy nhiên sau đó, ông T2 khẳng định không biết và không trả số tiền này. Đồng thời, tới nay số tiền 700.000.000 đồng của nguyên đơn chưa được trả lại và cũng không biết ai trả để đòi. Do đó kính mong Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 700.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Ngọc T1 trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thùy T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Duy L trình bày: Sau nhiều lần bị đơn ông C và bà T1 trả tiền cho bà T cả nợ gốc và nợ lãi. Ngày 07/7/2021, sau khi thanh toán toàn bộ nợ, bà T đã xác nhận: "Kể từ nay tôi và bà T1 không còn nợ nần gì nhau" (có ký tên, điểm chỉ). Từ thời điểm này đến cuối năm 2022, trước khi phát sinh tranh chấp giữa hai gia đình, bà T không hề nhắc ông C, bà T1 về việc thanh toán nợ. Qua đó cho thấy, ông C và bà T1 đã thanh toán toàn bộ nợ cho bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng của Tòa án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa nhận thấy Giấy vay tiền ngày 21/4/2020 do nguyên đơn giữ bản chính, ngày 21/6/2020 bị đơn là người ghi dòng chữ: *"Ông Lê Minh T2 đồng ý trả số tiền nợ dùm ông C bà T1 bảy trăm triệu đồng"* trên giấy vay tiền này. Ông T2 và bà T là người thân trong gia đình. Ông T2 cho rằng thường xuyên đi lại làm ăn giữa Bình Dương và Bình Phước, không thường xuyên liên lạc với bà T là

không có căn cứ. Từ đó có căn cứ xác định bà T đã kiểm chứng đối với ông T2 về khoản ông T2 trả nợ thay cho bà T1, ông C 700.000.000 đồng thể hiện bằng việc 1 năm sau kể từ thời điểm ngày 21/6/2020, bà T, bà T1 thực hiện chốt nợ với nhau: *"Hôm nay ngày 07/7/2021 bà Lê Ngọc T1 đã trả cho tôi số tiền là 376.000.000 đồng. Kể từ ngày hôm nay tôi và bà T1 không còn nợ nần gì nhau nữa"*. Do đó, có căn cứ xác định giữa bà T với ông C, bà T1 không còn tồn tại khoản vay nào. Bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B là chưa đủ căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận các bên có thực hiện hợp đồng vay tài sản cụ thể như sau:

Vào ngày 21/4/2020, nguyên đơn bà Lê Thùy T cho bị đơn ông Phạm Văn C, bà Lê Ngọc T1 vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Việc cho vay này thể hiện qua Giấy vay tiền lập ngày 21/4/2020. Ngày 21/6/2020, khi đến hẹn trả nợ, ông C, bà T1 đã trả bà T 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 700.000.000 đồng được bà T1 ghi tại mặt sau của bản chính Giấy vay tiền ngày 21/4/2020 với nội dung *"Ngày 21/6/2020 ông Lê Minh T2 đồng ý trả số nợ dùm ông C bà T1 bảy trăm triệu đồng 700.000.000 đồng"*. Ngày 29 tháng 9 năm 2020, bà T tiếp tục cho ông C, bà T1 vay 350.000.000 đồng, việc cho vay được lập thành Hợp đồng ngày 29 tháng 9 năm 2020, có công chứng. Bên vay và bên cho vay đều thừa nhận điều này, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy các bên đã thanh toán đủ khoản vay vào ngày 29 tháng 9 năm 2020. Đối với số tiền 700.000.000 đồng từ khoản vay ngày 21/4/2020, bị đơn bà T1 xác nhận chưa trả cho nguyên đơn và nguyên đơn của chưa nhận được khoản tiền nay. Tuy nhiên tại Giấy vay tiền ngày 21/4/2020 do nguyên đơn bà T giữ bản chính, ngày 21/6/2020 bị đơn là người ghi dòng chữ: *"Ông Lê Minh T2 đồng ý trả số tiền nợ dùm ông C bà T1 bảy trăm triệu đồng"*. Xét thấy, ông Lê Minh T2 và nguyên đơn bà T là người thân trong gia đình nên việc ông T2 và nguyên đơn cho rằng ông T2 thường xuyên đi lại làm ăn, không thường xuyên liên lạc là không có căn cứ. Từ đó có cơ sở xác định nguyên đơn đã kiểm chứng đối với việc trả nợ thay của ông T2 cho bị đơn

số tiền 700.000.000 đồng, nên 1 năm sau kể từ thời điểm ngày 21/6/2020, bà T, bà T1 thực hiện chốt nợ với nhau *"Hôm nay ngày 07/7/2021 bà Lê Ngọc T1 đã trả cho tôi số tiền là 376.000.000 đồng. Kể từ ngày hôm nay tôi và bà T1 không còn nợ nần gì nhau nữa"*. Theo đó, có căn cứ xác định giữa bà T với ông C, bà T1 không còn tồn tại khoản vay nào.

[2.3] Từ phân tích trên xét thấy việc cấn trừ nợ giữa ông C, bà T1 sang ông T2 đã được bà T và ông T2 chấp nhận. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 370 Bộ luật Dân sự như sau: *"Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý"*. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 370 và Điều 372 của Bộ luật Dân sự tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thùy T đối với bị ông Phạm Văn C và bà Lê Ngọc T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Giấy vay tiền ngày 21/4/2020 là phù hợp.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là cơ sở để chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Án phí phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 144; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 370, Điều 372 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thùy T; Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thùy T đối với bị ông Phạm Văn C và bà Lê Ngọc T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Giấy vay tiền ngày 21/4/2020.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thùy T phải nộp 38.751.900 đồng. Khấu trừ vào số tiền 19.027.000 đồng bà Lê Thùy T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010234 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương, bà T còn phải nộp 19.724.900 (mười chín triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm) đồng.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thùy T phải nộp án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0010412 ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- VKSND huyện B;
- Lưu: Hồ sơ, Tổ Hành chính Tư pháp, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Huy Cường